

104 2 H22.22.0301.
H22.22.01.11
H22.22.0121

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành theo Quyết định số 608a/QĐ-ĐHKTNA ngày
06/08/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Vinh, ngày 07 tháng 08 năm 2018

Số: 608a/QĐ-ĐHKTNA

Vinh, ngày 06 tháng 08 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

“ Sửa đổi Chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy ”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

- Căn cứ Quyết định số 205/ QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế Nghệ An;
- Căn cứ Quyết định số 1721/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép trường Đại học Kinh tế Nghệ An tổ chức hoạt động đào tạo đại học chính quy;
- Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo tại Quyết định số 43;
- Căn cứ Quyết định số 607/ QĐ-ĐHKT ngày 7/9/2015 Quyết định ban hành chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An;
- Căn cứ biên bản họp các tổ bộ môn về việc sửa đổi chương trình đào tạo
- Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay sửa đổi chương trình đào tạo hệ chính quy, trình độ Đại học các ngành và chuyên ngành (*Có danh sách kèm theo*).

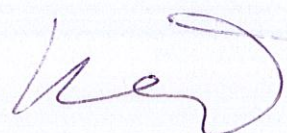
Điều 2: Căn cứ vào chương trình đào tạo mới sửa đổi các khoa, phòng, bộ môn trực thuộc mua sắm tài liệu, học liệu, lập lại đề cương chi tiết các học phần, biên soạn giáo trình bài giảng phân công giảng viên dạy các học phần do khoa, bộ môn đảm nhận áp dụng từ Khóa 4 trở về sau.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng, khoa, Bộ môn trực thuộc và các ban phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *vt*

Nơi nhân

- BGH, phòng, khoa.
- Lưu đt

HIỆU TRƯỞNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 608a /QĐ-DHKTNA-ĐT ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình:	Đào tạo cử nhân kế toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã ngành:	52340301
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Cử nhân Kế toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có hiểu biết về chính trị, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán trong các loại hình đơn vị kế toán (doanh nghiệp, đơn vị dự toán, tổ chức tài chính trung gian, công ty dịch vụ kế toán, ...); có khả năng học tập nâng cao cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính, phân tích hoạt động SXKD để giải quyết các công việc thuộc về chuyên môn kế toán, kiểm toán.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; lập các báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp; các đơn vị hành chính, sự nghiệp; kỹ năng thực hành phần mềm kế toán; kỹ năng phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập vấn đề tài chính, kế toán; kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp; kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp; kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng sử dụng tiếng Anh.

1.2.3. Thái độ

Có phẩm chất đạo đức trung thực; có trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác; có thể đảm nhiệm các công việc như: Kế toán tiền mặt, kế toán hàng tồn kho, kế toán doanh thu - chi phí, kế toán công nợ phải thu - phải trả, kế toán nguồn vốn, kế toán thuế; triển vọng trong tương lai có thể trở thành kế toán trưởng, nhà quản lý quỹ, kiểm toán viên nội bộ.

- Có khả năng làm việc tại các công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp; có thể đảm nhận công việc trợ lý phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính.

- Có khả năng làm việc tại các công ty kiểm toán; có thể đảm nhận công việc cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán cho các loại hình doanh nghiệp; Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng nhóm kiểm toán, kiểm toán viên cao cấp.

- Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận công việc: tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến kế toán, kiểm toán; trợ lý giảng dạy các môn học có liên quan đến kế toán, kiểm toán; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kinh tế cơ bản của nhóm ngành kinh tế và quản trị kinh doanh vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo kế toán.

- Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán để lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế; phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; phân tích, đánh giá được qui trình kế toán của một tổ chức kinh tế; có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.

- Sử dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân Kế toán có kiến thức thực tiễn về kế toán, kiểm toán; tiếp cận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo từng vị trí công việc được phân công.

- Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn đã được trang bị để phân tích, tổng hợp và giải quyết một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán và tài chính.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán, vận dụng hệ thống tài khoản kế toán, vận dụng hệ thống sổ kế toán trong các đơn vị kế toán doanh nghiệp, hành chính sự nghiệp;

- Xây dựng chương trình kiểm tra kế toán;

- Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, giải quyết các vấn đề, khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

- Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và bối cảnh tổ chức để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel) và một số phần mềm kế toán; có thể sử dụng thành thạo internet và các thiết bị văn phòng.

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân, có khả năng làm việc nhóm.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail).

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân: Như tự tin, can đảm, trung thành, công nhận thành quả của người khác.

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành vi chuyên nghiệp.

- Có phẩm chất đạo đức xã hội: Có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng; biết trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc; xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, biết phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

125 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương (kể cả kiến thức tự chọn): 36 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 79 tín chỉ, trong đó:

 - + Kiến thức cơ sở ngành: 33 tín chỉ

 - + Kiến thức ngành (kể cả kiến thức tự chọn): 46 tín chỉ

- Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3,5 năm gồm 7 học kỳ. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường; thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

6. Cách thức đánh giá

- Thực hiện theo điều 22 và điều 23 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường.

7. Nội dung chương trình

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	LT	TH	Tổng
7.1	Kiến thức Giáo dục đại cương	36	525		525
7.1.1	Lý luận chính trị	10	150		150
1	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	2	30		30
2	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	3	45		45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
4	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3	45		45
7.1.2	Khoa học xã hội	10	150		150
7.1.2.1	Các học phần bắt buộc	8	120		120
5	Pháp luật đại cương	3	45		45
6	Văn hóa doanh nghiệp	2	30		30
7	Văn bản trong quản lý	3	45		45
7.1.2.2	Chọn 1 trong 2 học phần sau	2	30		30
8	Xã hội học	2	30		30
	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30		30
7.1.3	Ngoại ngữ	7	105		105
9	Tiếng anh 1	3	45		45
10	Tiếng anh 2	4	60		60
7.1.4	Toán, tin, khoa học tự nhiên	9	120		120
11	Toán cao cấp	3	45		45
12	Tin học đại cương	3	30	30	60
13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		45
7.1.5	Giáo dục thể chất	3	9	72	81
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	113	15	128
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89	1110		1110
7.2.1	Kiến thức cơ sở	33	495		495
14	Kinh tế vi mô	3	45		45
15	Kinh tế vĩ mô	3	45		45
16	Toán kinh tế	3	45		45
17	Tiếng anh chuyên ngành	4	60		60
18	Quản trị học đại cương	2	30		30
19	Kinh tế phát triển	2	30		30
20	Lý thuyết thống kê	2	30		30
21	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3	45		45
22	Marketing căn bản	2	30		30
23	Pháp luật kinh tế	2	30		30
24	Nguyên lý kế toán	3	45		45
25	Thị trường chứng khoán	2	30		30
26	Thống kê doanh nghiệp	2	30		30
7.2.2	Kiến thức ngành	46	615		615

7.2.2.1	<i>Kiến thức chung bắt buộc</i>	44	585		585
27	Thuế Nhà nước	3	45		45
28	Tài chính doanh nghiệp I	3	45		45
29	Tài chính doanh nghiệp II	2	30		30
30	Kế toán tài chính 1	4	60		60
31	Kế toán tài chính 2	4	60		60
32	Kế toán tài chính 3	3	45		45
33	Thực hành kế toán tài chính	3		90	90
34	Kế toán quản trị	3	45		45
35	Kế toán máy	3	15	60	75
36	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45		45
37	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45		45
38	Lý thuyết kiểm toán	2	30		30
39	Kiểm toán báo cáo tài chính	2	30		30
40	Tài chính công	2	30		30
41	Kế toán công	4	60		60
7.2.2.2	<i>Chọn 1 trong 4 HP sau</i>	2	30		30
42	Kế toán thuế	2	30		30
	Nghệp vụ ngân hàng thương mại	2	30		30
	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	2	30		30
	Kinh tế lượng	2	30		30
7.2.3	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận	10		300	150
	Môn học thay thế	10			
1	Luật kế toán	3			45
2	Kế toán excel	4			60
3	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3			45
	Tổng cộng	125			

8. Phân bổ kế hoạch đào tạo

TT	Tên học phần	Số TC	TCLT	TCTH	Số tiết
Kỳ 1					
1	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	2			30
2	Tiếng anh 1	3			45
3	Toán cao cấp	3			45
4	Pháp luật đại cương	3			45
5	Văn bản trong quản lý	3			45
6	Tin học đại cương	3	2	1	60
	Cộng	17			270
Kỳ 2					
1	Tiếng anh 2	4			60
2	Lý thuyết thống kê	2			30
3	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3			45

4	Pháp luật kinh tế	2			30
5	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	3			45
6	Nguyên lý kế toán	3			45
7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			45
	Cộng	20			300
Kỳ 3					
1	Tài chính doanh nghiệp I	3			45
2	Thống kê doanh nghiệp	2			30
3	Kế toán tài chính 1	4			60
4	Quản trị học đại cương	2			30
5	Toán kinh tế	3			45
6	Kinh tế vi mô	3			45
7	Chọn 1 trong 2 học phần				
	Xã hội học	2			30
	Lịch sử học thuyết kinh tế	2			30
	Cộng	19			285
Kỳ 4					
1	Thị trường chứng khoán	2			30
2	Thuế Nhà nước	3			45
3	Tài chính doanh nghiệp II	2			30
4	Kế toán tài chính 2	4			60
5	Marketing căn bản	2			30
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			30
7	Văn hóa doanh nghiệp	2			30
8	Kinh tế phát triển	2			30
	Cộng	19			285
Kỳ 5					
1	Kế toán tài chính 3	3			45
2	Kinh tế vĩ mô	3			45
3	Tiếng anh chuyên ngành	4			60
4	Thực hành kế toán tài chính	3		3	90
5	Tài chính công	2			30
6	Lý thuyết kiểm toán	2			30
7	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3			45
	Cộng	20			345
Kỳ 6					
1	Kế toán công	4			60
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			45
3	Kế toán máy	3	1	2	60
4	Kế toán quản trị	3			45
5	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			45
6	Kiểm toán báo cáo tài chính	2			30
7	Chọn 1 trong 4 học phần				

	Kế toán thuế	2			30
	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	2			30
	Nghiệp vụ N.hàng thương mại	2			30
	Kinh tế lượng	2			30
	Cộng	20			315
Kỳ 7					
1	Thực tập TN và làm khóa luận	10		10	300
	Môn học thay thế				
1	Luật kế toán	3			45
2	Kế toán excel	4			60
3	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3			45
	Cộng	10			300

9. Hướng dẫn thực hiện:

- Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán hệ chính quy ứng với trình độ Đại học do Trường Đại học kinh tế Nghệ An xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

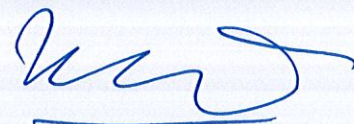
- Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán là những quy định của nhà trường về cơ cấu, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho ngành đào tạo Kế toán ứng với trình độ đào tạo bậc đại học, đó là cơ sở giúp Bộ giáo dục và đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại trường Đại học kinh tế Nghệ An.

- Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán trình độ đại học được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành. Danh mục các học phần và tín chỉ được trình bày tại mục 7 chỉ là quy định tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định, trong quá trình thực hiện cứ 2 năm /1 lần Trường Đại học kinh tế Nghệ An sẽ điều chỉnh, bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể trong phạm vi không dưới 120 tín chỉ.

- Phần kiến thức chuyên ngành được thiết kế theo chuyên ngành Kế toán. *✕*

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



TS Dương Xuân Thao

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 608a /QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình:	Đào tạo Cử nhân kinh tế
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kinh tế
Chuyên ngành:	Kinh tế
Mã ngành:	(05) 52310101
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe và có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và nhân văn, có năng lực chuyên môn về kinh tế, có khả năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát, đánh giá các chính sách và quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực, các ngành, các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Cử nhân Kinh tế được học và đánh giá, phân tích về hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và nhân văn;

- Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kinh tế và các lĩnh vực, các ngành kinh tế ứng dụng để phân tích các tình huống kinh tế, các chính sách kinh tế, các dự án kinh tế trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

1.2.2. Kỹ năng

- Đào tạo sinh viên có kỹ năng nghiên cứu độc lập và có tính sáng tạo, kỹ năng tư duy phân tích, phản biện, có kiến thức hiện đại về kinh tế và các lĩnh vực, các ngành kinh

tế ứng dụng, có khả năng vận dụng lý thuyết kinh tế để phân tích các tình huống kinh tế, phân tích các chính sách kinh tế, các dự án kinh tế.

- Có khả năng tham gia các hoạt động tư vấn các vấn đề kinh tế cho các cơ quan Nhà nước các cấp và các doanh nghiệp. Có đủ năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho lĩnh vực kinh tế, phần mềm lập kế hoạch tài chính và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp, thuyết trình, truyền thông.

1.2.3. Thái độ

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Đồng thời, sinh viên ngành này là người có khả năng tự học, sáng tạo, có định hướng nghề nghiệp tốt.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp nhận bằng Cử nhân Kinh tế (thuộc hệ thống văn bằng quốc gia do Nhà nước quy định). Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc ở nhiều vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các viện, các trung tâm nghiên cứu kinh tế, các cơ quan hoạch định chính sách, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các tổng công ty, các doanh nghiệp và các tổ chức, hoặc làm giảng viên trong các trường đại học cao đẳng khối kinh tế. Ngoài ra sinh viên có cơ hội học tập ở những bậc học cao hơn.

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế đạt chuẩn kiến thức sau:

- Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với ngành Kinh tế, nắm vững những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn ở trình độ đại học.

- Có kiến thức hiểu biết chung về các lĩnh vực luật pháp, lịch sử, văn hóa xã hội, và có năng lực vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn.

- Có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và ngoại ngữ để phát triển kiến thức chuyên ngành Kinh tế học và khả năng vận dụng vào thực tiễn.

- Có kiến thức sâu rộng, hiện đại về kinh tế vĩ mô và vi mô; có khả năng vận dụng các lý thuyết kinh tế để phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế và dự báo những biến động của nền kinh tế.

- Có khả năng tổ chức, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và tổ chức các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

- Nắm vững những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về kinh tế và quản lý thương mại, bao gồm những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về kinh tế doanh nghiệp, những kiến thức về kinh tế và quản lý của một số lĩnh vực tiêu biểu như: tài chính, ngân hàng, chứng khoán, du lịch...

- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường Đại học Kinh tế Nghệ An và các trường thuộc khối ngành Kinh tế và bao gồm những kiến thức về kế toán - kiểm toán, tài chính - ngân hàng, kinh tế và quản trị kinh doanh.

2.2. Kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành Kinh tế. Cụ thể:

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và dự báo tình hình kinh tế, thương mại và thị trường.

- Kỹ năng phân tích và đánh giá tác động của các công cụ quản lý nhà nước đối với thị trường, thương mại và môi trường kinh tế vĩ mô.

- Kỹ năng tổng hợp và lập báo cáo các vấn đề nghiên cứu về kinh tế, thương mại và quản lý.

- Kỹ năng nghiên cứu và phân tích các vấn đề kinh tế, hiệu quả sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp.

- Kỹ năng sử dụng các phương pháp định lượng và định tính trong phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý thương mại.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office, sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý thương mại.

- Kỹ năng giao tiếp và truyền thông các vấn đề về kinh tế và quản lý thương mại; Diễn đạt các vấn đề kinh tế và quản lý thương mại bằng văn bản và thuyết trình.

- Kỹ năng thuyết trình, trình bày ý tưởng; kỹ năng viết báo cáo, thiết lập, bảo vệ dự án và thẩm định dự án.

- Kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân, có bản lĩnh chính trị vững vàng. Luôn đề cao ý thức nghề nghiệp.

- Có ý thức quan tâm đến cộng đồng. Tích cực phát hiện và tham gia giải quyết những vấn đề mà thực tiễn kinh tế và thương mại của doanh nghiệp cũng như của nền kinh tế Việt Nam đang đặt ra.

- Khả năng tự lập, chủ động trong học tập và nghiên cứu. Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc, có bản lĩnh và tinh thần học tập vươn lên khẳng định năng lực bản thân.

- Tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy năng động, coi trọng hiệu quả công việc. Có năng lực làm việc trong môi trường có nhiều áp lực của cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

125 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương:	36 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	89 tín chỉ
+ Kiến thức cơ sở ngành:	38 tín chỉ
+ Kiến thức ngành (kể cả kiến thức tự chọn):	33 tín chỉ
+ Kiến thức bổ trợ (kể cả kiến thức tự chọn):	8 tín chỉ
+ Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp:	10 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3,5 năm gồm 7 học kỳ, trong đó có 6 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết luận văn tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường; thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

6. Cách thức đánh giá

- Thực hiện theo điều 22 và điều 23 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường.

7. Nội dung chương trình

TT	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	LT	TH	Tổng
7.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	525		525
7.1.1	Lý luận chính trị	10	150		150
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	30		30
2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	45		45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
4	Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45		45
7.1.2	Khoa học xã hội	6	90		90
5	Pháp luật đại cương	3	45		45
6	Văn bản trong quản lý	3	45		45
7.1.3	Ngoại ngữ	11	165		165
7	Tiếng Anh 1	3	45		45
8	Tiếng Anh 2	4	60		60
9	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60		60
7.1.4	Toán, tin, khoa học tự nhiên	9	120	30	150
10	Tin học đại cương	3	30	30	60
11	Toán cao cấp	3	45		45
12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		45
7.1.5	Giáo dục thể chất	3	9	72	81
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	113	15	128
7.2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89	1185		1185
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	38	570		570
13	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30		30

14	Kinh tế vi mô I	3	45		45
15	Kinh tế vĩ mô I	3	45		45
16	Toán kinh tế	3	45		45
17	Pháp luật kinh tế	2	30		30
18	Lý thuyết thống kê	2	30		30
19	Nguyên lý kế toán	3	45		45
20	Quản trị học đại cương	2	30		30
21	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	45		45
22	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	45		45
23	Kinh tế lượng	3	45		45
24	Kinh tế vi mô II	3	45		45
25	Kinh tế vĩ mô II	3	45		45
26	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	45		45
7.2.2	Khối kiến thức ngành	33	495		495
7.2.2.1	Kiến thức bắt buộc	28	420		420
27	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	3	45		45
28	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	4	60		60
29	Kinh tế quốc tế	3	45		45
30	Kinh tế phát triển	3	45		45
31	Kinh tế các ngành	3	45		45
32	Kinh tế môi trường	3	45		45
33	Kinh tế công cộng	3	45		45
34	Kinh tế nguồn nhân lực	3	45		45
35	Kinh tế đầu tư	3	45		45
7.2.2.2	Kiến thức tự chọn	5	75		75
36	Marketing căn bản	Chọn 1/2 môn (2TC)	2	30	30
	Văn hóa kinh doanh		2	30	30
37	Quản trị doanh nghiệp	Chọn 1/2 môn (3TC)	3	45	45
	Quản trị sản xuất		3	45	45
7.2.3	Kiến thức bổ trợ	8	120		120
7.2.3.1	Các học phần bắt buộc	3	45		45
38	Tài chính doanh nghiệp	3	45		45
7.2.3.2	Kiến thức tự chọn	5	75		75
39	Quản trị dự án đầu tư	Chọn 1/2 môn (3TC)	3	45	45
	Thuế Nhà nước		3	45	45
40	Thẩm định dự án đầu tư	Chọn 1/2 môn (2TC)	2	30	30
	Thị trường chứng khoán		2	30	30
7.2.4	Thực tập tốt nghiệp	10		300	300
TỔNG		125			

8. Phân bổ kế hoạch đào tạo

TT	Tên học phần	Số TC	TC LT	TC TH	Số tiết
Kỳ 1					
1	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	2			30
2	Tiếng Anh 1	3			45
3	Pháp luật đại cương	3			45
4	Văn bản trong quản lý	3			45
5	Toán cao cấp	3			45
6	Tin học đại cương	3	2	1	60
Cộng		17			270
Kỳ 2					
1	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	3			45
2	Tiếng Anh 2	4			60
3	Luật kinh tế	2			30
4	Lý thuyết thống kê	2			45
5	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3			45
6	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3			45
7	Nguyên lý kế toán	3			45
Cộng		20			300
Kỳ 3					
1	Kinh tế lượng	3			45
2	Kinh tế Vi mô 1	3			45
3	Quản trị học đại cương	2			30
4	Toán kinh tế	3			45
5	Tài chính doanh nghiệp	3			45
6	Kinh tế quốc tế	3			45
7	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2			30
Cộng		19			285
Kỳ 4					
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			30
2	Kinh tế Vĩ mô I	3			45
3	Kinh tế Vi mô II	3			45
4	Tiếng Anh chuyên ngành	4			60
5	Kinh tế phát triển	3			45
6	Chọn 1 trong 2 HP				
	Quản trị dự án đầu tư	3			45
	Thuế Nhà nước	3			45
7	Chọn 1 trong 2 HP				
	Marketing căn bản	2			30
	Văn hóa doanh nghiệp	2			30
Cộng		20			300

Kỳ 5					
1	Kinh tế Vĩ mô II	3			45
2	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3			45
3	Kinh tế đầu tư	3			45
4	Kinh tế công cộng	3			45
5	Kinh tế các ngành	3			45
6	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3			45
7	Chọn 1 trong 2 HP				
	Quản trị doanh nghiệp	3			45
	Quản trị SX và tác nghiệp	3			45
Cộng		21			315
Kỳ 6					
1	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3			45
2	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	4			60
3	Kinh tế nguồn nhân lực	3			45
4	Phân tích chính sách KT - XH	3			45
5	Kinh tế môi trường	3			45
6	Chọn 1 trong 2 HP				
	Thị trường chứng khoán	2			30
	Thẩm định dự án đầu tư	2			30
Cộng		18			270
Kỳ 7					
1	Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận	10		10	300
Thay thế thực tập Tốt nghiệp					
1	Kinh tế học tổ chức kinh doanh	4			60
2	Kinh tế quản lý	3			45
3	Lý thuyết trò chơi ứng dụng	3			45

9. Hướng dẫn thực hiện

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế hệ chính quy ứng với trình độ Đại học do Trường Đại học kinh tế Nghệ An xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế là những quy định của nhà trường về cơ cấu, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho ngành đào tạo Kinh tế ứng với trình độ đào tạo bậc đại học, đó là cơ sở giúp Bộ giáo dục và đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại trường Đại học kinh tế Nghệ An.

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế trình độ đại học được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành. Danh mục các học phần và tín chỉ được trình bày tại mục 7 chỉ là quy định tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định, trong quá trình thực hiện cử 2

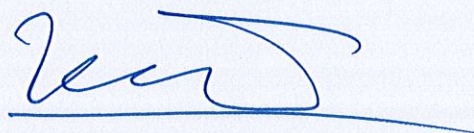
năm/1 lần Trường Đại học kinh tế Nghệ An sẽ điều chỉnh, bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể trong phạm vi không dưới 125 tín chỉ.

- Phần kiến thức chuyên ngành Kinh tế học được thiết kế theo chuyên ngành hẹp Kinh tế.

- Phần kiến thức bổ trợ (nếu có): có thể được trường thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được lựa chọn tự do, liên quan tới 1 hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Kinh tế nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp. *vt*

HIỆU TRƯỞNG

(ký tên, đóng dấu)



TS Dương Xuân Thao

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 608a/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 6 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
Chuyên ngành: Quản trị du lịch lữ hành và khách sạn
Mã ngành: D340101
Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Đại học Quản trị du lịch lữ hành và khách sạn có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị doanh nghiệp du lịch lữ hành và khách sạn, có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh du lịch lữ hành và khách sạn; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc đồng thời đáp ứng được chuẩn đầu ra theo yêu cầu chung của Bộ giáo dục đào tạo.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức: Cử nhân Quản trị du lịch lữ hành và khách sạn được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản trị ngành du lịch lữ hành và khách sạn theo xu hướng hội nhập quốc tế; có năng lực làm việc cho các cơ quan quản lý du lịch, các tổ chức nghề nghiệp quốc tế về du lịch, các doanh nghiệp du lịch và khách sạn hoạt động có qui mô và tính chuyên nghiệp cao cũng như phát triển chuyên môn sâu hơn trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo về du lịch; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị du lịch lữ hành và khách sạn trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

1.2.2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

- Có đủ năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, điều hành, phần mềm lập kế hoạch tài chính và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, đàm phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền thông.

1.2.3. Thái độ:

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Đồng thời, sinh viên ngành này là người có khả năng tự học, sáng tạo, có định hướng nghề nghiệp tốt.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp: Có thể làm việc ở các vị trí sau: Hướng dẫn viên du lịch; Điều hành du lịch: nghiên cứu thị trường, xây dựng các sản phẩm (chương trình du lịch, sự kiện...), tổ chức các hoạt động marketing và bán sản phẩm liên quan đến lĩnh vực du lịch; Quản lý doanh nghiệp lữ hành: từ hoạch định đến điều hành việc thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh du lịch; Lễ tân, Nhân viên các bộ phận tại các khách sạn; Quản lý, trưởng bộ phận tại các khách sạn, khu nghỉ dưỡng; Giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực du lịch, khách sạn.

Có thể làm việc tại: Các doanh nghiệp du lịch, lữ hành trên cả nước; Các công ty tổ chức sự kiện, truyền thông về du lịch; Các khách sạn, resort; cơ sở kinh doanh ăn uống, vui chơi, giải trí...; Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề có đào tạo Quản trị Du lịch – khách sạn.

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức

- Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với ngành Quản trị kinh doanh, nắm vững những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn ở trình độ đại học.
- Có kiến thức hiểu biết chung về các lĩnh vực luật pháp, lịch sử, văn hóa xã hội, và có năng lực vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn.
- Hiểu rõ những nguyên lý căn bản về quản trị doanh nghiệp và các chức năng quản trị cơ bản trong doanh nghiệp; hiểu rõ đặc điểm, phương thức hoạt động, quản lý của các loại hình doanh nghiệp và đặc điểm của các ngành sản xuất kinh doanh;
- Hiểu rõ cơ cấu tổ chức, các nguyên tắc tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Vận dụng các văn bản pháp luật liên quan đến quản trị doanh nghiệp thuộc các ngành nghề kinh

doanh khác nhau;

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Lập và triển khai các hoạt động nghiên cứu và phát triển các vấn đề quản trị doanh nghiệp;
- Hoạch định và xây dựng chiến lược, chính sách kinh doanh;
- Có khả năng nghiên cứu thị trường, tìm kiếm các cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp;
- Tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

6. Cách thức đánh giá

- Thực hiện theo điều 22 và điều 23 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường.

7. Nội dung chương trình: 126 tín chỉ

TT	Học phần	Số TC	LT	TH	Tổng
7.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	300	390	
7.1.1	Lý luận chính trị	10	150		150
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	30		30
2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	45		45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
4	Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45		45
7.1.2.	Khoa học xã hội	9	120	30	150
5	Pháp luật đại cương	3	45		45
6	Văn bản trong quản lý	3	45		45
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	30	30	60
7.1.3	Ngoại ngữ	11	165		165
8	Tiếng Anh 1	3	45		45
9	Tiếng Anh 2	4	60		60
10	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60		60
7.1.4	Toán, tin, khoa học tự nhiên	9	75	30	105
11	Tin học đại cương	3	30	30	60
12	Toán cao cấp	3	45		45
7.1.5	Giáo dục thể chất	3	9	81	90
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	105	30	135
7.2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
7.2.1	Khối kiến thức cơ sở	32	480		480
13	Kinh tế vi mô	3	45		45
14	Kinh tế vĩ mô	3	45		45

15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30		30
16	Thuế nhà nước	3	45		45
17	Nguyên lý kế toán	3	45		45
18	Marketing căn bản	3	45		45
19	Lý thuyết thống kê	2	30		30
20	Luật kinh tế	2	30		30
21	Quản trị học	2	30		30
22	Địa lý du lịch	3	45		45
23	Kinh tế quốc tế	3	45		45
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	<i>3/6</i>			
24	Toán kinh tế	3	45		45
	Kinh tế lượng	3	45		45
7.2.2	Khối kiến thức ngành	39	540	90	630
7.2.2.1	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	<i>34</i>	<i>465</i>	<i>90</i>	<i>55</i>
25	Văn hoá doanh nghiệp	2	30		30
26	Quản trị chiến lược	3	45		45
27	Quản trị nhân lực	3	45		45
28	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	45		45
29	Quản trị du lịch	3	45		45
30	Marketing du lịch	3	45		45
31	Tâm lý khách du lịch	2	30		30
32	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3	45		45
33	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	45		45
34	Nghiệp vụ lễ hành	3	45		45
35	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	45		45
36	Thực tập nghề nghiệp	3		90	90
7.2.2.2	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	<i>5/13</i>	<i>75</i>		<i>75</i>
37	Quy hoạch du lịch	2	30		30
	Du lịch bền vững	2	30		30
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				
38	Hệ thống thông tin quản lý	3	45		45
	Quản trị nhà hàng	3	45		45
7.2.3	Kiến thức bổ trợ	8	120		120
39	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3	45		45
40	Quản trị buồng	2	30		30
	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>	<i>3/6</i>			
41	Quản trị lễ tân	3	45		45
	Kế toán quản trị	3	45		45

	Lý thuyết kiểm toán	3	45		45
7.2.4	<i>Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận</i>	<i>10</i>		<i>300</i>	<i>300</i>
	<i>Thay thế thực tập Tốt nghiệp</i>				
1	Nghiên cứu Marketing	3			45
2	Khởi sự kinh doanh	4			60
3	Tâm lý kinh doanh	3			45
TỔNG		125			

8. Phân bổ kế hoạch đào tạo

TT	Tên học phần	Số TC	TC LT	TC TH	Số tiết
Kỳ 1					
1	Những NLCB của CN Mác – Lê nin 1	2	2		30
2	Tiếng anh 1	3	3		45
3	Pháp luật đại cương	3	3		45
4	Văn bản trong quản lý	3	3		45
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3		45
6	Tin học đại cương	3	2	1	60
7	Kinh tế vi mô	3	3		45
Cộng		20			315
Kỳ 2					
1	Tiếng anh 2	4	4		60
2	Những NLCB của CN Mác – Lê nin 2	3	3		45
3	Nguyên lý kế toán	3	3		45
4	Địa lý du lịch	3	3		45
5	Lý thuyết thống kê	2	2		30
6	Luật kinh tế	2	2		30
Cộng		17			255
Kỳ 3					
1	Quản trị học	2			30
2	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3			45
3	Kinh tế vĩ mô	3			45
4	Hệ thống thông tin quản lý	3			45
5	Kinh tế quốc tế	3			45
6	Quản trị kinh doanh lễ hành	3			45
7	Chọn 1 trong 2 HP				
	Toán kinh tế	3			45
	Thuế nhà nước	3			45
Cộng		20			300
Kỳ 4					
1	Quản trị du lịch	3			45
2	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3			45
3	Marketing căn bản	3			45
4	Văn hóa doanh nghiệp	2			30
5	Quản trị kinh doanh khách sạn	3			45
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			30
7	Tiếng Anh du lịch 1	3			45
Cộng		19			285
Kỳ 5					

1	Quản trị lễ tân	3			45
2	Quản trị chiến lược	3			45
3	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3			45
4	Tiếng Anh du lịch 2	4			60
5	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3			45
6	Marketing du lịch	3			45
7	Tâm lý khách du lịch	2			30
Cộng		21			315
Kỳ 6					
1	Nghệp vụ nhà hàng	3			45
2	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3			45
3	Nghệp vụ lữ hành	3			30
4	Thực tập nghề nghiệp	3			45
5	Quản trị buồng	2			30
6	Quản trị nhân lực	3			45
7	Chọn 1 trong 4 HP				
	Quy hoạch du lịch	2			30
	Du lịch bền vững	2			30
	Kế toán quản trị	2			30
	Lý thuyết kiểm toán	2			30
Cộng		19			285
Kỳ 7					
1	Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận	10		10	300
Thay thế thực tập Tốt nghiệp					
1	Nghiên cứu Marketing	3			45
2	Khởi sự kinh doanh	4			60
3	Tâm lý kinh doanh	3			45

9. Hướng dẫn thực hiện:

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh hệ chính quy ứng với trình độ Đại học do Trường Đại học kinh tế Nghệ An xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh là những quy định của nhà trường về cơ cấu, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho ngành đào tạo Quản trị kinh doanh ứng với trình độ đào tạo bậc đại học, đó là cơ sở giúp Bộ giáo dục và đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại trường Đại học kinh tế Nghệ An.

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh trình độ đại học được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành. Danh mục các học phần và tín chỉ được trình bày tại mục 7 chỉ là quy định tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời

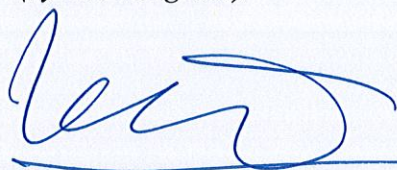
gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định, trong quá trình thực hiện cứ 2 năm /1 lần Trường Đại học kinh tế Nghệ An sẽ điều chỉnh, bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể trong phạm vi không dưới 120 tín chỉ.

- Phần kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo chuyên ngành hẹp Quản trị kinh doanh tổng hợp.

- Phần kiến thức bổ trợ (nếu có): có thể được trường thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được lựa chọn tự do, liên quan tới 1 hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Quản trị kinh doanh nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp. 

HIỆU TRƯỞNG

(ký tên, đóng dấu)



TS Dương Xuân Thao

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 608a /QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 6 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	52340101
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

1.2.2. Kỹ năng: Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. Kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho lĩnh vực quản trị, phần mềm lập kế hoạch tài chính và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, đàm phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền thông.

1.2.3. Thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp: Cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ

chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; cán bộ nghiên cứu, giảng viên về Quản trị kinh doanh tại các viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức

- Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với ngành Quản trị kinh doanh, nắm vững những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn ở trình độ đại học.

- Có kiến thức hiểu biết chung về các lĩnh vực luật pháp, lịch sử, văn hóa xã hội, và có năng lực vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn.

- Hiểu rõ những nguyên lý căn bản về quản trị doanh nghiệp và các chức năng quản trị cơ bản trong doanh nghiệp; hiểu rõ đặc điểm, phương thức hoạt động, quản lý của các loại hình doanh nghiệp và đặc điểm của các ngành sản xuất kinh doanh;

- Hiểu rõ cơ cấu tổ chức, các nguyên tắc tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Vận dụng các văn bản pháp luật liên quan đến quản trị doanh nghiệp thuộc các ngành nghề kinh doanh khác nhau;

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Lập và triển khai các hoạt động nghiên cứu và phát triển các vấn đề quản trị doanh nghiệp;

- Hoạch định và xây dựng chiến lược, chính sách kinh doanh;

- Có khả năng nghiên cứu thị trường, tìm kiếm các cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp;

- Tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office, sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về quản trị doanh nghiệp.

- Có kỹ năng giao tiếp và kỹ năng đàm phán;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có tinh thần đoàn kết, trung thực, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp, đối tác;
- Có ý thức cải tiến, sáng tạo và linh hoạt trong công việc;
- Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỉ luật và tác phong công nghiệp.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

125 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương:	36 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	79 tín chỉ
+ Kiến thức cơ sở ngành:	32 tín chỉ
+ Kiến thức ngành (kể cả kiến thức tự chọn):	39 tín chỉ
+ Kiến thức bổ trợ (kể cả kiến thức tự chọn):	8 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp:	10 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết luận văn tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường; thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

5.2. Công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

6. Cách thức đánh giá

- Thực hiện theo điều 22 và điều 23 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường.

7. Nội dung chương trình: 125 tín chỉ

TT	Học phần	Số TC	LT	TH	Tổng
7.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	525		525
7.1.1	Lý luận chính trị	10	150		150
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	30		30
2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	45		45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
4	Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45		45
7.1.2.	Khoa học xã hội	6	90		90
5	Pháp luật đại cương	3	45		45
6	Soạn thảo văn bản	3	45		45
7.1.3	Ngoại ngữ	11	165		165
7	Tiếng Anh 1	3	45		45
8	Tiếng Anh 2	4	60		60
9	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	4	60		60
7.1.4	Toán, tin, khoa học tự nhiên	9	120	30	150
10	Tin học đại cương	3	30	30	60
11	Toán cao cấp	3	45		45
12	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	45		45
7.1.5	Giáo dục thể chất	3	9	72	81
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	113	15	128
7.2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79	1200		1185
7.2.1	Khối kiến thức cơ sở	32	495		495
13	Kinh tế vi mô	3	45		45
14	Kinh tế vĩ mô	3	45		45
15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30		30
16	Thuế nhà nước	3	45		45
17	Nguyên lý kế toán	3	45		45
18	Marketing căn bản	3	45		45
19	Lý thuyết thống kê	2	30		30
20	Luật kinh tế	2	30		30
21	Quản trị học	2	30		30
22	Kinh tế phát triển	3	45		45
23	Kinh tế quốc tế	3	45		45
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	3	45		45

24	Toán kinh tế	3	45		45
	Kinh tế lượng	3	45		45
7.2.2	Khối kiến thức ngành	39	585		585
7.2.2.1	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	34	510		510
25	Văn hoá doanh nghiệp	2	30		30
26	Quản trị chiến lược	3	45		45
27	Kế toán tài chính	3	45		45
28	Thống kê Doanh nghiệp	2	30		30
29	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45		45
30	Quản trị sản xuất	3	45		45
31	Quản trị chất lượng	3	45		45
32	Quản trị nhân lực	3	45		45
33	Quản lý dự án đầu tư	3	45		45
34	Quản trị Marketing	3	45		45
35	Quản trị doanh nghiệp	3	45		45
36	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	45		45
7.2.2.2	<i>Các học phần tự chọn</i>	5	75		75
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	2	30		30
37	Kỹ năng quản trị	2	30		30
	Giao tiếp trong kinh doanh	2	30		30
	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>	3	45		45
38	Tài chính doanh nghiệp	3	45		45
	Quản trị kinh doanh	3	45		45
	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	45		45
7.2.3	Kiến thức bổ trợ	8	120		120
39	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3	45		45
40	Hệ thống thông tin quản lý	2	30		30
7.2.3.1	<i>Các học phần tự chọn</i>	3	45		45
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	3	45		45
41	Kế toán quản trị	3	45		45
	Lý thuyết kiểm toán	3	45		45
7.2.4	Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận	10		330	330
	Thay thế thực tập Tốt nghiệp				
1	Nghiên cứu Marketing	3			45
2	Khởi sự kinh doanh	4			60
3	Tâm lý kinh doanh	3			45
TỔNG		125			

8. Phân bổ kế hoạch đào tạo

TT	Tên học phần	Số TC	TC LT	TC TH	Số tiết
Kỳ 1					
1	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lênin 1	2			30
2	Pháp luật đại cương	3			45
3	Văn bản trong quản lý	3			45
4	Tiếng Anh 1	3			45
5	Toán cao cấp	3			45
6	Tin học đại cương	3	2	1	60
Cộng		17			270
Kỳ 2					
1	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lênin 2	3			45
2	Tiếng Anh 2	4			60
3	Lý thuyết thống kê	2			30
4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			45
5	Luật kinh tế	2			30
6	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3			45
7	Nguyên lý kế toán	3			45
Cộng		20			300
Kỳ 3					
1	Thống kê Doanh nghiệp	2			30
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2			30
3	Kinh tế vi mô	3			45
4	Quản trị học	2			30
5	Kinh tế quốc tế	3			45
6	Hệ thống thông tin quản lý	2			30
7	Chọn 1 trong 3 HP				
	Tài chính doanh nghiệp 1	3			45
	Quản trị doanh nghiệp	3			45
	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3			45
8	Chọn 1 trong 2 HP				
	Toán kinh tế	3			45
	Kinh tế lượng	3			45
Cộng		20			300
Kỳ 4					
1	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	4			60
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			30
3	Kinh tế vĩ mô	3			45
4	Marketing căn bản	3			45
5	Thuế nhà nước	3			45

6	Kinh tế phát triển	3			45
7	Văn hoá doanh nghiệp	2			30
Cộng		20			300
Kỳ 5					
1	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3			45
2	Quản trị sản xuất	3			45
3	Quản trị chiến lược	3			45
4	Kế toán tài chính	3			45
5	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			45
6	Thực tập nghề nghiệp	3			45
7	Chọn 1 trong 2 HP				
	Kỹ năng quản trị	2			30
	Giao tiếp trong kinh doanh	2			30
Cộng		20			300
Kỳ 6					
1	Quản trị nhân lực	3			45
2	Quản trị chất lượng	3			45
3	Quản lý dự án đầu tư	3			45
4	Quản trị Marketing	3			45
5	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3			45
6	Chọn 1 trong 2 HP				
	Kế toán quản trị	3			45
	Lý thuyết kiểm toán	3			45
Cộng		18			270
Kỳ 7					
1	Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận	10		10	300
Thay thế thực tập Tốt nghiệp					
1	Nghiên cứu Marketing	3			45
2	Khởi sự kinh doanh	4			60
3	Tâm lý kinh doanh	3			45

9. Hướng dẫn thực hiện:

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh hệ chính quy ứng với trình độ Đại học do Trường Đại học kinh tế Nghệ An xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh là những quy định của nhà trường về cơ cấu, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho ngành đào tạo Quản trị kinh doanh ứng với trình độ đào tạo bậc đại học, đó là cơ sở giúp Bộ giáo dục và đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại trường Đại học kinh tế Nghệ An.

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh trình độ đại học được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành. Danh mục các học phần và tín chỉ được trình bày tại mục 7 chỉ là quy định tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời

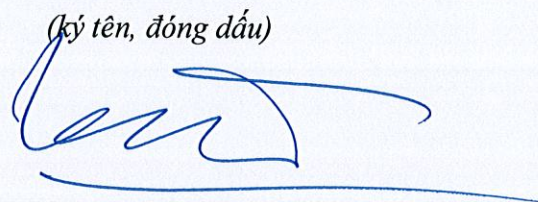
gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định, trong quá trình thực hiện cứ 2 năm /1 lần Trường Đại học kinh tế Nghệ An sẽ điều chỉnh, bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể trong phạm vi không dưới 120 tín chỉ.

- Phần kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo chuyên ngành hẹp Quản trị kinh doanh tổng hợp.

- Phần kiến thức bổ trợ (nếu có): có thể được trường thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được lựa chọn tự do, liên quan tới 1 hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Quản trị kinh doanh nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp. *uf*

HIỆU TRƯỞNG

(ký tên, đóng dấu)



TS Dương Xuân Thao

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 608a/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 6 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình:	Kỹ sư quản lý đất đai
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản lý đất đai
Mã ngành:	52850103
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư Quản lý đất đai có đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện về lý luận và thực tiễn Quản lý đất đai: Trắc địa - Bản đồ, Hệ thống tin địa lý, Hệ thống tin đất đai, Ngoại ngữ; có kỹ năng về công nghệ (công nghệ toàn đạc, công nghệ GPS, công nghệ ảnh số...), thành lập các bản đồ chuyên đề (bản đồ địa chính, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất...) dưới dạng số, thiết kế và vận hành các hệ thống thông tin đất đai...; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, kinh tế, xã hội phục vụ ngành.
- Có kiến thức về quản lý đất đai, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực đo đạc, tin học phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

Về kỹ năng

- Sử dụng được công nghệ tin học để tổ chức, thực hành đo đạc, biên tập thành lập bản đồ địa chính các loại.
- Lập và xây dựng được dự án quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển nông thôn, lập và kiểm tra hồ sơ địa chính các loại...
- Thực hiện công tác định giá đất, viết báo cáo định giá, đánh giá đất phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Tổng hợp và phân tích được biến động đất đai từ đó dự báo được nhu cầu sử dụng các loại đất, minh họa kết quả quy hoạch đất đai trên bản đồ.
- Sử dụng được phần mềm MicroStation, Famis để thực hiện công tác biên tập, biên vẽ bản đồ, thống kê kiểm kê đất đai.
- Thành thạo trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai, quy hoạch sử dụng đất
- Có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng thông tin trong lĩnh vực Quản lý đất đai;
- Có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, xây dựng kế hoạch và viết báo cáo

Về thái độ

Có phẩm chất đạo đức tư cách tốt, có hiểu biết về chính trị - xã hội và sức khỏe tốt.

Trình độ ngoại ngữ, tin học

Đạt yêu cầu về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

- **Kiến thức chung:** Nhận thức, đánh giá sự vật, hiện tượng một cách logic, biện chứng; thực hiện đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; chấp hành nghiêm túc Pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các kiến thức cơ bản về pháp luật, toán học cao cấp... để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

- **Kiến thức cơ sở ngành:** áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành về Quản lý nhà nước đất đai, Thổ nhưỡng, Đo đạc, Bản đồ địa chính, Pháp luật đất đai, Canh tác học, Đánh giá đất... để sử dụng trong học tập, khai thác nghiên cứu chuyên sâu các môn học chuyên ngành.

- **Kiến thức chuyên sâu:** Nhận thức các kiến thức chuyên sâu về Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch phát triển nông thôn, Định giá đất, Đánh giá đất đai, Thuế nhà đất, Thanh tra kiểm tra đất đai, Thống kê đất đai, kiến thức chuyên sâu về sử dụng phần mềm quản lý đất đai, sử dụng thành thạo các loại máy đo đạc như GPS, toàn đạc điện tử; sử dụng tốt các loại bản đồ...Để áp dụng khai thác các nguyên

lý cơ bản trong việc quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên đất đai theo hướng tiết kiệm, hợp lý và bền vững.

- **Kiến thức bổ trợ:** Sử dụng được các kiến thức cơ bản về địa lý kinh tế, kinh tế vi mô để hỗ trợ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Sử dụng máy tính soạn thảo được các văn bản; đọc, dịch được tài liệu tiếng anh sử dụng trong chuyên ngành đất đai.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

Kỹ năng cứng

- Sử dụng được công nghệ tin học để tổ chức, thực hành đo đạc, biên tập thành lập bản đồ địa chính các loại.

- Lập và xây dựng được dự án quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển nông thôn, lập và kiểm tra hồ sơ địa chính các loại...

- Thực hiện công tác định giá đất, viết báo cáo định giá, đánh giá đất phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Tổng hợp và phân tích được biến động đất đai từ đó dự báo được nhu cầu sử dụng các loại đất, minh họa kết quả quy hoạch đất đai trên bản đồ.

- Sử dụng được phần mềm MicroStation, Famis để thực hiện công tác biên tập, biên vẽ bản đồ, thống kê kiểm kê đất đai.

- Thành thạo trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai, quy hoạch sử dụng đất

Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office, sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng thông tin trong lĩnh vực Quản lý đất đai;

- Có khả năng tư duy theo hệ thống và sáng tạo;

- Có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, xây dựng kế hoạch và viết báo cáo

- Có kĩ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

- Có khả năng giao tiếp, đàm phán, diễn thuyết về lĩnh vực quản lý sử dụng đất đai

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về chuyên ngành quản lý đất đai; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau như viện, trung tâm đo đạc, địa chính các cấp; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề về pháp luật đất đai, quy hoạch, đo đạc bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô cấp huyện về công tác quản lý đất đai

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

125 tín chỉ (*Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện hàng năm.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An Quy định Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An Quy định Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

7. Nội dung chương trình

STT	Tên môn học	TC	LT	TH	Tổng
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	44	639	45	
7.1.1	Lý luận chính trị	10	150		
1	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 1	2	30		30
2	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 2	3	45		45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
4	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN	3	45		45
7.1.2	Khoa học xã hội	8	120		
	<i>Bắt buộc</i>	6	90		
5	Pháp luật Đại cương	3	45		45
6	Văn bản trong quản lý	3	45		45
	<i>Tự chọn (1 trong 2 học phần)</i>	2	30		30
7	Dân số học	2	30		30
	Xã hội học	2	30		30
7.1.3	Ngoại ngữ	9	135		
8	Tiếng anh 1	3	45		45
9	Tiếng anh 2	4	60		60
10	Anh văn chuyên ngành	2	30		30
7.1.4	Toán - Tin học – Khoa học TN - Công nghệ - Môi trường	17	234	45	279
	<i>Học phần bắt buộc</i>	13	178	35	213
11	Toán cao cấp	3	45		45
12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		45
13	Hóa học đại cương	2	30		30
14	Sinh thái môi trường	2	28	5	33
15	Tin học đại cương	3	30	30	60
	<i>Tự chọn (2 trong 4 học phần sau)</i>	4	56	10	66
16	Tin học Autocard	2	28	30	45
17	Môi trường và phát triển	2	28	5	33
	Tài nguyên thiên nhiên	2	28	5	33
	Quản lý môi trường	2	28	5	33

7.1.5	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	9	72	81
7.1.6	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	8	113	15	128
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	81	837	795	1632
7.2.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	19	235	110	345
18	Trắc địa 1	3	39	15	54
19	Trắc địa 2	3	39	15	54
20	Trắc địa ảnh viễn thám	2	28	5	33
21	Thổ nhưỡng	2	26	10	36
22	Đánh giá đất	2	24	10	34
23	Hệ thống thông tin địa lý	3	27	35	62
24	Quản lý nguồn nước	2	26	10	36
25	Bản đồ học	2	26	10	36
7.2.2.	<i>Kiến thức ngành</i>	46	572	265	685
	<i>Bắt buộc</i>	40	488	250	250
26	QH tổng thể phát triển KTXH	3	39	15	54
27	QH sử dụng đất	2	26	10	36
28	QH PT nông thôn	2	26	10	36
29	QH ĐT và điểm DC nông thôn	2	26	10	36
30	Bản đồ địa chính	3	39	15	54
31	Thực hành trắc địa	2	14	30	44
32	Quản lý hành chính về đất đai	3	39	15	54
33	Đăng ký thống kê đất đai	3	39	15	54
34	Pháp luật đất đai	2	30		30
35	Thanh tra đất đai	2	26	10	36
36	Định giá đất	3	39	15	54
37	Thị trường bất động sản	2	26	10	36
38	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2	26	10	36
39	Hệ thống thông tin đất	2	26	10	36
40	Thuế bất động sản	2	26	10	36
41	Tin học ứng dụng đo vẽ bản đồ	3	27	35	62

42	Xây dựng đồ án quy hoạch sử dụng đất	2	14	30	44
	<i>Tự chọn (3 trong 6 học phần)</i>	6	84	15	99
43	Hệ thống nông nghiệp	2	28	5	33
44	Đánh giá tác động môi trường	2	28	5	33
45	Kinh tế tài nguyên đất	2	28	5	33
	Quy hoạch cảnh quan	2	28	5	33
	Tài nguyên đất và môi trường	2	28	5	33
	Hệ thống định vị toàn cầu	2	14	30	44
7.2.3	Kiến thức bổ trợ	2	30		30
46	Cây trồng đại cương	2	30		30
7.2.4	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp	14		420	420
47	Thực tập giáo trình	4		120	120
48	Khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)	10		300	300
	Tổng cộng	125			

8. Phân bố tiến độ học các kỳ

(Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng bố trí học tùy theo điều kiện thực tế)

TT	Tên học phần	Số TC	TC LT	TC TH	Số tiết
I	Học kỳ 1	17	16	1	270
1	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2		30
2	Tiếng anh 1	3	3		45
3	Toán cao cấp	3	3		45
4	Pháp luật Đại cương	3	3		45
5	Tin học đại cương	3	2	1	60
6	Văn bản trong quản lý	3	3		45
II	Học kỳ 2	20	18,8	1,2	319
1	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	3	3		45
2	Quản lý nguồn nước	2	1,7	0,3	36
3	Hóa học đại cương	2	2		30
4	Sinh thái môi trường	2	1,8	0,2	33
5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		45
6	Tiếng anh 2	4	4		60
7	Thủ nhường	2	1,6	0,4	34
8	Bản đồ học	2	1,7	0,3	36
III	Học kỳ III	19	16,4	2,6	324
1	Pháp luật đất đai	2	2		30
2	Hệ thống thông tin địa lý	3	1,8	1,2	62
3	Trắc địa 1	3	2,5	0,5	54
4	Tiếng anh chuyên ngành	2	4		30
5	Đánh giá đất	2	1,6	0,4	34
6	Cây trồng đại cương	2	2		30
7	Quản lý hành chính về đất đai	3	2,5	0,5	54
8	<i>Tự chọn (1 trong 2 học phần)</i>	2			
	Dân số học	2	2		30
	Xã hội học	2	2		30
IV	Học kỳ IV	19	15,9	3,1	347
1	Trắc địa 2	3	2,5	0,5	54
2	Trắc địa ảnh viễn thám	2	1,8	0,2	33
3	Tư tưởng HCM	2	2		30
4	Bản đồ địa chính	3	2,5	0,5	54

5	QH tổng thể phát triển KTXH	3	2,5	0,5	54
6	Tự chọn (2 trong 4 học phần)	4			
	Tin học Autocard	2	1	1	45
	Môi trường và phát triển	2	1,8	0,2	33
	Tài nguyên thiên nhiên	2	1,8	0,2	33
	Quản lý môi trường	2	1,8	0,2	33
7	Thực hành trắc địa	2	1	1	44
V	Học kỳ V	20	15,1	3,9	359
1	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN	3	3		45
2	Tin học ứng dụng đo vẽ bản đồ	3	1,8	1,2	62
3	QH sử dụng đất	2	1,7	0,3	36
4	QH PT nông thôn	2	1,7	0,3	36
5	Đăng ký thống kê đất đai	3	2,5	0,5	54
6	Thuế bất động sản	2	1,7	0,3	36
7	Thanh tra đất đai	2	1,7	0,3	36
8	Định giá đất	3	2,5	0,5	54
VI	Học kỳ VI	20	13,2	6,8	407
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2	1,7	0,3	36
3	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư NT	2	1,7	0,3	36
4	Thị trường bất động sản	2	1,7	0,3	36
6	Hệ thống thông tin đất	2	1,7	0,3	36
7	Xây dựng đồ án QH sử dụng đất	2	1	1	44
8	Thực tập giáo trình	4		4	120
9	Tự chọn (3 trong 6 học phần)	6			
	Hệ thống nông nghiệp	2	1,8	0,2	33
	Kinh tế tài nguyên đất	2	1,8	0,2	33
	Quy hoạch cảnh quan	2	1,8	0,2	33
	Tài nguyên đất và môi trường	2	1,8	0,2	33
	Đánh giá tác động môi trường	2	1,8	0,2	33
	Hệ thống định vị toàn cầu	2	1	1	44
VII	Học kỳ VII	10		10	300
1	Thực tập tốt nghiệp	10		10	300
Thay thế thực tập Tốt nghiệp					
	QL sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	2	14	30	44

	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	2	14	30	44
	Kinh doanh bất động sản	2	14	30	44
	Hồ sơ địa chính	2	14	30	44
	Chính sách nhà ở	2	14	30	44
	Tổng	125			

9. Hướng dẫn thực hiện

- Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 125 tín chỉ (không tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng), được thiết kế để giảng dạy và học tập trong 07 học kỳ (3,5 năm học);

- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về việc Quy định về tổ chức quản lý đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An. 

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- BGH, Phòng, Khoa, Bộ môn

- Lưu Đ/T



TS Dương Xuân Thao

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 608a /QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 6 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình:	Đào tạo kỹ sư KH cây trồng (Crop Science)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Khoa học cây trồng
Chuyên ngành:	Khoa học cây trồng
Mã ngành:	(06) 52620110
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo ra Kỹ sư Nông học yêu nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị vững vàng; Có kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu và giải quyết các lĩnh vực liên quan đến sản xuất Nông nghiệp và kinh doanh các dịch vụ Khoa học cây trồng. Quản lý sản xuất tạo ra sản phẩm đạt hiệu quả kinh tế cao góp phần đảm bảo nền Nông nghiệp phát triển bền vững hiệu quả.

2. CHUẨN ĐẦU RA (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng quản lý sản xuất cây trồng có hiệu quả bền vững, biết ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật Nông nghiệp hiện đại trong trồng trọt. Cụ thể:

- Có kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức về chuyên môn sâu về sinh lý -sinh hóa sinh thực vật, thổ nhưỡng, phân bón, canh tác
- Có kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật canh tác cây lúa, rau, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, các kiến thức về hệ thống canh tác, chọn giống cây trồng và bảo vệ thực vật, hiểu biết về công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch.
- Có kiến thức về các phương pháp phòng trừ các loài dịch hại cây trồng và nông sản sau thu hoạch.
- Có khả năng nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực có liên quan đến Khoa học cây trồng

- Có khả năng nghiệp vụ giải quyết các vấn đề sản xuất trong ngành khoa học cây trồng (Kỹ thuật canh tác, giống, sâu bệnh hại ...)
- Có kiến thức thực tế về sản xuất nông nghiệp thông qua thực tập cơ sở và thực tập giáo trình.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Có khả năng đảm nhiệm công tác quản lý, xây dựng qui trình sản xuất các loại cây trồng ở từng vùng sinh thái, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp
- Có kỹ năng truyền thông, diễn đạt và truyền tải các nội dung chuyên môn trong lĩnh vực khoa học cây trồng
- Có kỹ năng quản lý, sử dụng các tài nguyên nông nghiệp một cách hài hoà trong hệ thống nông nghiệp bền vững tại từng vùng sinh thái để tăng sản lượng và lợi tức của cơ sở sản xuất đồng thời bảo vệ tốt môi trường.
- Thành thạo về việc bố trí thí nghiệm cho từng loại cây, tổ chức các hoạt động ngoại khóa thực hành thực tập thu thập số liệu, thành thạo việc xử lý, tính toán nội nghiệp, có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học viết được các báo cáo thuyết minh theo các chuyên đề chuyên môn.
- Có kỹ năng sử dụng thiết bị, máy móc chuyên dùng trong lĩnh vực chuyên môn

2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.
- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office, sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.
- Kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Vị trí công tác: Là cán bộ kỹ thuật, chuyên gia, tư vấn, quản lý, nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực trồng trọt.

- Nơi làm việc: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các Viện nghiên cứu Nông nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về Nông nghiệp, các trung tâm khuyến nông - khuyến lâm, trung tâm giống cây trồng, các công ty hoạt động kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp trong và ngoài nước, các dự án phát triển nông nghiệp nông thôn, các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến nông nghiệp, các cơ sở giáo dục đào tạo: Hiệp hội, Trung tâm dạy nghề, Trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA HỌC (Tín chỉ): 124 tín chỉ (*Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện hàng năm.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An Quy định Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

6. THANG ĐIỂM: Thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An Quy định Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	LT	TH	TỔNG
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	46	660	60	720
7.1.1	<i>Lý luận Mác LêNin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	10	150		150
1	Những NLCB của CNMLN 1	2	30		30
2	Những NLCB của CNMLN 2	3	45		45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
4	Đường lối CM của ĐCSVN	3	45		45

7.1.2	Khoa học xã hội	6	90		90
5	Pháp luật đại cương	3	45		45
6	Soạn thảo văn bản	3	45		45
7.1.3	Ngoại ngữ	9	135		0
7	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45		45
8	Tiếng Anh cơ bản 2	4	60		60
9	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30		30
7.1.4	Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường	21	285	60	345
10	Hóa học đại cương	2	30		30
11	Hóa học phân tích	2	30		30
12	Sinh học phân tử	2	30		30
13	Sinh học đại cương	2	30		30
14	Toán cao cấp	3	45		45
15	LT Toán Xác suất - Thống kê Toán	3	45		45
16	Tin học đại cương	3	30	30	60
17	Tin học ứng dụng trong Nông nghiệp	2	15	30	45
18	Hóa học hữu cơ	2	30		30
7.1.5	Giáo dục thể chất	3	9	72	81
7.1.6	Giáo dục quốc phòng, an ninh	8	113	15	128
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	78	907	565	1472
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	16	205	80	285
19	Sinh lý thực vật	3	36	15	51
20	Hóa sinh thực vật	3	34	20	54
21	Phân bón	2	26	10	36
22	Vi sinh vật đại cương	2	26	10	36
23	Khí tượng nông nghiệp	2	31	5	36

24	Thỏ nhưỡng	2	26	10	36
25	Thực vật học	2	26	10	36
7.2.2	Kiến thức ngành	44	646	265	911
7.2.2.1	Kiến thức chung của ngành	22	354	140	494
	<i>Học phần bắt buộc</i>	16	276	110	386
26	Canh tác & quản lý cỏ dại	2	26	10	36
27	Tưới tiêu trong nông nghiệp	2	26	10	36
28	Công nghệ sau thu hoạch	2	26	5	31
29	Côn trùng nông nghiệp	3	34	20	54
30	Bệnh cây nông nghiệp	3	34	20	54
31	Sinh thái nông nghiệp	2	26	5	33
32	Phương pháp thí nghiệm	2	26	10	36
	<i>Học phần tự chọn (chọn 3 trong 5 học phần sau)</i>	6	78	30	108
33	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	2	26	10	36
34	Hệ thống Nông nghiệp	2	26	10	36
35	Khuyến nông	2	26	10	36
	Quản lý cây trồng tổng hợp	2	26	10	36
	Quản lý dịch hại tổng hợp	2	26	10	36
7.2.2.2	Kiến thức chuyên sâu của ngành	22	292	125	417
	<i>Học phần bắt buộc</i>	20	266	115	381
36	Chọn giống cây trồng	3	36	15	51
37	Di truyền thực vật	2	30		30
38	Cây lương thực	3	36	15	51
39	Cây rau	3	34	20	54
40	Cây ăn quả	3	34	20	54
41	Cây công nghiệp	3	36	15	51

42	Hoa cây cảnh và thiết kế cảnh quan	3	34	20	54
	<i>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần sau)</i>	2	26	10	36
43	Công nghệ sinh học đại cương	2	26	10	36
	Kỹ thuật trồng nấm	2	26	10	36
	Quản lý nông trại	2	26	10	36
7.2.3	Kiến thức bổ trợ	4	56	10	66
7.2.3.1.	<i>Học phần bắt buộc</i>	2	30		30
44	Xây dựng và Quản lý dự án Nông nghiệp	2	30		30
7.2.3.2.	<i>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần sau)</i>	2	26	10	36
45	Kiểm dịch thực vật	2	26	10	36
	Dâu tằm	2	26	10	36
	Nông lâm kết hợp	2	26	10	36
7.2.4	Thực tập nghề nghiệp	4		60	60
46	Thực tập nghề nghiệp đợt 1	2		30	30
47	Thực tập nghề nghiệp đợt 2	2		30	30
7.2.5	Khóa luận tốt nghiệp	10		150	150
	<i>Thay thế thực tập Tốt nghiệp</i>				
1	Kỹ thuật trồng nấm	3	2,3	0,7	54
2	Kiểm dịch thực vật	3	2,3	0,7	54
3	Quản lý cây trồng tổng hợp	4	3,3	0,7	68
	Tổng cộng (Không tính GDQP, GDTC)	124			

8. PHÂN BỐ TIỀN ĐỘ HỌC CÁC KỲ (Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng bổ trí học tùy theo điều kiện thực tế)

TT	Tên học phần	Số TC	TC LT	TC TH	Số tiết
Kỳ 1					
1	Những NLCB của CNMLN 1	2	1,7	0,3	30
2	Pháp luật đại cương	3	3		45
3	Tiếng anh 1	3	3		45
4	Tin học đại cương	3	2	1	60
5	Văn bản trong quản lý	3	3		45
6	Toán cao cấp	3	3		45
Tổng		17			270
Kỳ 2					
1	Những NLCB của CNMLN 2	3	2,6	0,4	45
2	Tiếng anh 2	4	4		60
3	Tin học ứng dụng trong N.nghiệp	2	1	1	45
4	LT Toán Xác suất - Thống kê toán	3	3		45
5	Hóa học đại cương	2	2		30
6	Hóa hữu cơ	2	2		30
7	Thỏ nhưỡng	2	1,7	0,3	36
8	Sinh học đại cương	2	2		30
Tổng		20			321
Kỳ 3					
1	Sinh học phân tử	2	2		30
2	Sinh lý thực vật	3	2,5	0,5	51
3	Hoá học phân tích	2	2		30
4	Thực vật học	2	1,7	0,3	36
5	Vi sinh vật đại cương	2	1,7	0,3	36
6	Chọn giống cây trồng	3	2,5	0,5	51
7	Khí tượng thủy văn	2	1,7	0,3	36
8	Di truyền thực vật	2	1,7	0,3	36
9	Phân bón	2	1,7	0,3	36
Tổng		20			342
Kỳ 4					
1	Hóa sinh thực vật	3	1,7	0,3	36
2	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2		30
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,7	0,3	30
4	Côn trùng nông nghiệp	3	2,3	0,7	54
5	Bệnh cây nông nghiệp	3	2,3	0,7	54
6	Phương pháp thí nghiệm	2	1,5	2,5	39

7	Cây rau	3	2,3	0,7	54
8	Tưới tiêu trong nông nghiệp	2	1,7	0,3	36
Tổng		20			312
Kỳ 5					
1	Đường lối CM của ĐCSVN	3	3		45
2	Cây công nghiệp	3	2,3	0,7	54
3	Cây lương thực	3	2,3	0,7	54
4	Hoa cây cảnh và thiết kế cảnh quan	3	2,3	0,7	54
5	Học phần tự chọn (chọn 3 trong 4 học phần sau)				
	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	2	1,7	0,3	36
	Hệ thống Nông nghiệp	2	1,7	0,3	36
	Khuyến nông - khuyến lâm	2	1,5	0,5	39
	Quản lý dịch hại tổng hợp	2	1,7	0,3	36
6	Thực tập nghề nghiệp đợt 1	2		2	60
Tổng		20			369
Kỳ 6					
1	Cây ăn quả	3	2,3	0,7	54
2	Công nghệ sau thu hoạch	2	1,7	0,3	36
3	Xây dựng và Quản lý dự án Nông nghiệp	2	2		30
4	Sinh thái nông nghiệp	2	2		30
5	Canh tác & quản lý cỏ dại	2	1,5	0,5	39
6	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần sau)				
	Dâu tằm	2	1,7	0,3	36
	Nông lâm kết hợp	2	1,7	0,3	36
7	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần sau)				
	Công nghệ sinh học đại cương	2	1,7	0,3	36
	Quản lý nông trại	2	1,7	0,3	36
8	Thực tập nghề nghiệp đợt 2	2		2	60
Tổng		17			321
Kỳ 7					
1	Khóa luận tốt nghiệp	10			300
Học các học phần thay cho khóa luận TN					
1	Kỹ thuật trồng nấm	3	2,3	0,7	54
2	Kiểm dịch thực vật	3	2,3	0,7	54
3	Quản lý cây trồng tổng hợp	4	3,3	0,7	68
Tổng		10			176
Tổng		124			

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình đào tạo đại học ngành Khoa học cây trồng được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 124 tín chỉ (không tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng), được thiết kế để giảng dạy và học tập trong 08 học kỳ (4 năm học);

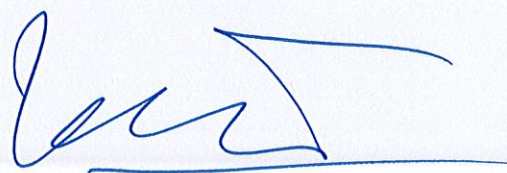
- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về việc Quy định về tổ chức quản lý đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An. 

Nơi nhận:

- BGH, Phòng, Khoa, Bộ môn
- Lưu Đ/T

HIỆU TRƯỞNG



TS Dương Xuân Thao

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 608a/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 6 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình: **Đào tạo kỹ sư Lâm nghiệp**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Lâm nghiệp (Forestry);**

Mã ngành: **(08) 52620201**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cán bộ tổng hợp về quản lý và xây dựng phát triển tài nguyên rừng trình độ đại học; có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ Lâm nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Có kiến thức về quản lý ngành Lâm nghiệp để tổ chức, chỉ đạo các hoạt động quản lý bảo vệ rừng và quản lý kinh tế lâm nghiệp, nghiên cứu khoa học và sản xuất lâm nông nghiệp.

- Có kiến thức vững vàng để điều hành sản xuất Lâm nghiệp như các biện pháp tạo rừng và phương thức xử lý lâm sinh đối với từng loại rừng, phương pháp đánh giá tài nguyên rừng, công tác quy hoạch lâm nghiệp và thiết kế sản xuất kinh doanh rừng.

1.2.2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cây rừng, phân loại rừng, phân loại gỗ, áp dụng được các nguyên lý lâm sinh cơ bản trong sinh thái rừng, trồng rừng, chọn giống lâm nghiệp, điều tra, quy hoạch, khai thác rừng, quản lý bảo vệ rừng, xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp...

- Có khả năng làm công tác thiết kế sản xuất, xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án quy hoạch ở cấp vĩ mô, vi mô.

- Sử dụng thành thạo các dụng cụ, máy đo đạc, điều tra, khai thác rừng, quản lý bảo vệ rừng, thiết kế sản xuất kinh doanh và nghiên cứu khoa học trong lâm nghiệp.

- Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng như Word, Excel, Powerpoint, Internet, phần mềm thống kê toán học trong lâm nghiệp.

1.2.3. Về thái độ

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, yêu nghề, trung thực, có nếp sống lành mạnh, có ý thức phấn đấu vươn lên về mọi mặt, có quan hệ xã hội tốt và đúng mức, có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp.

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong việc quản lý, khai thác, bảo vệ rừng và tài nguyên thiên nhiên.

1.2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học:

Đạt yêu cầu về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

1.2.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Tốt nghiệp Đại học ngành Lâm nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại: các cơ quan quản lý Nhà nước về Nông – Lâm nghiệp và công nghiệp rừng; Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật lâm nghiệp; các cơ quan nghiên cứu và chuyển giao công nghệ Lâm nghiệp; các Phòng Nông – Lâm huyện, các Trung tâm Khuyến nông – Khuyến Lâm; Ban nông lâm nghiệp cấp xã, tham gia các dự án Lâm nghiệp; các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ trong sản xuất, kinh doanh Lâm nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức

- Nhận thức, đánh giá sự vật, hiện tượng một cách logic, biện chứng; thực hiện đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; chấp hành nghiêm túc Pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các kiến thức cơ bản về pháp luật, toán học cao cấp, hóa học, sinh học... để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

- Áp dụng được kiến thức cơ sở lâm sinh (khí tượng thủy văn rừng, đo đạc lâm nghiệp, đất lâm nghiệp, cây rừng, thống kê ứng dụng trong lâm nghiệp, lâm học...), kiến thức chuyên ngành lâm nghiệp (côn trùng rừng, bệnh cây rừng, giống cây rừng, trồng rừng, điều tra rừng, quy hoạch lâm nghiệp, sản lượng rừng...) và kiến thức bổ trợ (gồm kinh tế lâm nghiệp, quản lý doanh nghiệp lâm nghiệp, lâm nghiệp xã hội, lửa rừng, nông lâm kết hợp, trồng rừng đặc sản, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn, khoa học gỗ, máy và công cụ lâm nghiệp, khai thác lâm sản...) trong điều tra tài nguyên rừng, đề ra và thực hiện biện pháp kỹ thuật lâm sinh tạo rừng, chăm sóc nuôi dưỡng, khai thác, quản lý bảo vệ rừng.

- Áp dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học trong lâm nghiệp, các nguyên lý cơ bản trong việc quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Có thể tiếp tục học Thạc sĩ, Tiến sĩ các chuyên ngành liên quan như: Lâm nghiệp, Lâm sinh, Lâm học, Điều tra tài nguyên rừng, Quản lý tài nguyên rừng...

- Liên thông sang các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học.

- Học tập, nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các lĩnh vực có liên quan trồng trọt, quản lý tài nguyên môi trường, công nghệ sinh học nông nghiệp;

- Học tập, nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các cơ quan quản lý, nghiên cứu, đào tạo về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2.2. Kỹ năng

- Lập và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, nghiên cứu khoa học trong lâm nghiệp.

- Sử dụng thành thạo các phương pháp điều tra, đánh giá và phân tích tài nguyên rừng, thiết kế sản xuất, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh rừng.

- Tổ chức các hoạt động điều tra thu thập số liệu ngoại nghiệp, thành thạo việc xử lý, tính toán nội nghiệp, viết được các báo cáo thuyết minh theo các chuyên đề trong lâm nghiệp như: Kỹ thuật lâm sinh, Điều tra quy hoạch, Khai thác rừng, Quản lý bảo vệ rừng ...

- Tư vấn các vấn đề chuyên môn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nghiên cứu khoa học trong lâm nghiệp.

- Tư vấn, phổ cập và chuyển giao kỹ thuật lâm nghiệp, thiết kế, chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật xây dựng và phát triển tài nguyên rừng; điều tra, đánh giá tài nguyên rừng, quy hoạch lâm nghiệp và quản lý sử dụng đất; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ lâm nghiệp; tham gia đào tạo bồi dưỡng cán bộ trung học, công nhân trong lĩnh vực chuyên môn.

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office, sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp. Giao tiếp, đàm phán, diễn thuyết về lĩnh vực quản lý lâm nghiệp.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Vận dụng được các nguyên lý cơ bản trong lâm sinh thái học, đo đạc, điều tra rừng để giải thích được các kỹ thuật cơ bản trong kỹ thuật lâm sinh, trồng rừng, quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng các nguyên lý cơ bản để thực hiện công tác trồng rừng, quản lý bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.

- Đánh giá, phân tích được các vấn đề liên quan đến kỹ thuật chuyên môn về điều tra thống kê mô tả tài nguyên rừng, đất đai, sâu bệnh hại, quản lý lửa rừng, kỹ thuật lâm sinh, khai thác lâm sản và lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp, phương pháp tiếp cận có sự tham gia...

- Tự xây dựng và triển khai được các kế hoạch trong sản xuất kinh doanh lâm nghiệp.

- Xây dựng được các phương pháp thu thập số liệu, thảo luận nhóm để tiến hành thống kê mô tả được các nhân tố cơ bản về tài nguyên rừng và các tác động ảnh hưởng đến tài nguyên rừng.

- Xây dựng được các phương pháp đánh giá trong quá trình thực hiện và kết thúc của một dự án thông thường. Từ đó đề xuất được các giải pháp để khắc phục những tồn tại và hạn chế của dự án.

- Tự định hướng được cho bản thân và cũng thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau có liên quan đến kiến thức ngành được đào tạo như các doanh nghiệp lâm nghiệp, các cơ quan quản lý về lâm nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và đào tạo lâm nghiệp, tại các Trung tâm Khuyến nông – Khuyến Lâm; các dự án Lâm nghiệp; các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ trong sản xuất, kinh doanh Nông lâm nghiệp.

- Có phẩm chất đạo đức tốt và trách nhiệm nghề nghiệp cao.

- Thái độ làm việc nghiêm túc, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ và công tác.

- Luôn có ý thức phấn đấu vươn lên về mọi mặt, có quan hệ xã hội tốt và đúng mức, có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

125 tín chỉ (*Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương thuộc các tỉnh thành trong cả nước thông qua kỳ tuyển sinh đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo:

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết luận văn tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

5.2. Công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo điều 22 và điều 23 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đánh giá và xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

Loại	Điểm	Loại
Đạt	A (từ 8,5 đến 10)	Giỏi
	B (từ 7,0 đến dưới 8,5)	Khá
	C (từ 5,5 đến dưới 7,0)	Trung bình
	D (từ 4,0 đến dưới 5,5)	Trung bình yếu
Không đạt	F (dưới 4,0)	Kém

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TC LT	TC TH	TỔNG
7.1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	46	44,7	1,3	711
7.1.1	Lý luận chính trị	10	10		150
1	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	2	2		30
2	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	3	3		45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30
4	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3	3		45
7.1.2	Khoa học xã hội	8	8		120
	<i>Bắt buộc</i>	<i>6</i>	<i>6</i>		<i>90</i>
5	Pháp luật đại cương	3	3		45
6	Văn bản trong quản lý	3	3		45
7	<i>Tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)</i>	<i>2</i>	<i>2</i>		<i>30</i>
	Dân số học	2	2		30
	Xã hội học	2	2		30
7.1.3	Ngoại ngữ	9	9		135
8	Anh văn 1	3	3		45
9	Anh văn 2	4	4		60
10	Anh văn chuyên ngành	2	2		30
7.1.4	Toán - Tin - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường	19	17,7	1,3	306
	<i>Bắt buộc</i>	<i>17</i>	<i>16</i>	<i>1</i>	<i>270</i>
11	Toán cao cấp	3	3		45
12	Lý thuyết XS và thống kê toán	3	3		45
13	Tin học đại cương	3	2	1	60
14	Hóa học đại cương	2	2		30
15	Hóa học phân tích	2	2		30
16	Sinh học đại cương	2	2		30
17	Thực vật học	2	2		30
18	<i>Tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)</i>	<i>2</i>	<i>1,7</i>	<i>0,3</i>	<i>36</i>
	Địa lý sinh vật	2	1,7	0,3	36
	Công nghệ sinh học	2	1,7	0,3	36
19	Giáo dục thể chất	3	0,6	2,4	81
20	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	7,5	0,5	128
7.2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	79	53,6	25,4	1597
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	20	17	3	353
21	Sinh lý thực vật	3	2,5	0,5	54
22	Khí tượng thủy văn	2	1,8	0,2	33
23	Thổ nhưỡng	2	1,7	0,3	36
24	Cây rừng	3	2,3	0,7	56
25	Thống kê lâm nghiệp	2	2		30
26	Khoa học gỗ	2	1,7	0,3	36
27	Trắc địa	3	2,5	0,5	54
28	Sinh thái rừng	3	2,5	0,5	54
7.2.2	Kiến thức ngành	37	31,7	5,3	655
	<i>Bắt buộc</i>	<i>35</i>	<i>29,9</i>	<i>5,1</i>	<i>622</i>
29	Động vật rừng	2	1,7	0,3	36
30	Điều tra rừng	3	2,5	0,5	54
31	Sản lượng rừng	3	2,5	0,5	54
32	Giống cây rừng	2	1,7	0,3	36
33	Kỹ thuật lâm sinh	3	2,5	0,5	54
34	Côn trùng lâm nghiệp	3	2,5	0,5	54
35	Bệnh cây rừng	2	1,7	0,3	36

36	Quản lý dự án lâm nghiệp	3	2,7	0,3	52
37	Lừa rừng	2	1,7	0,3	36
38	Quy hoạch lâm nghiệp	3	2,5	0,5	54
39	Khai thác lâm sản	2	1,7	0,3	36
40	Lâm sản ngoài gỗ	2	1,7	0,3	36
41	Trồng rừng	3	2,5	0,5	54
42	Kinh tế lâm nghiệp	2	2		30
43	<i>Tự chọn(chọn 1 trong 5 HP)</i>	2	1,8	0,2	33
	Nông Lâm kết hợp	2	1,8	0,2	33
	PP NCKH chuyên ngành	2	1,8	0,2	33
	Quản lý rừng bền vững	2	1,8	0,2	33
	Chính sách lâm nghiệp	2	1,8	0,2	33
	Lâm nghiệp xã hội	2	1,8	0,2	33
7.2.3	Kiến thức bổ trợ	6	4,9	1,1	109
44	Đa dạng sinh học	2	1,7	0,3	36
45	Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp	2	1,5	0,5	37
46	Khuyến lâm	2	1,7	0,3	36
7.2.4	Thực tập nghề nghiệp	6		6	180
47	Thực tập nghề nghiệp 1	3		3	90
48	Thực tập nghề nghiệp 2	3		3	90
7.2.5	Khóa luận tốt nghiệp	10		10	300
	Môn học thay thế				
1	PP NCKH chuyên ngành	2	1,8	0,2	33
2	Điều tra dự tính dự báo sâu bệnh hại	2	1,7	0,3	36
3	Lâm nghiệp xã hội	2	1,8	0,2	33
4	Chính sách lâm nghiệp	2	1,8	0,2	33
5	Tin học ứng dụng trong lâm nghiệp	2	1	1	45
	Tổng cộng	125			

8. Phân bổ kế hoạch đào tạo

TT	Tên học phần	Số TC	TC LT	TC TH	Số tiết
Kỳ 1					
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2		30
2	Tiếng anh 1	3	3		45
3	Toán cao cấp	3	3		45
4	Văn bản trong quản lý	3	3		45
5	Tin học đại cương	3	2	1	60
6	Pháp luật đại cương	3	3		45
Tổng		17			270
Kỳ 2					
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3		45
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		45
3	Tiếng anh 2	4	4		60
4	Hóa học phân tích	2	2		30
5	Hóa học đại cương	2	2		30

6	Thực vật học	2	2		30
7	Sinh học đại cương	2	2		30
8	Thỏ nhưỡng	2	1,7	0,3	36
Tổng		20			306
Kỳ 3					
1	Sinh thái rừng	3	2,5	0,5	54
2	Sinh lý thực vật	3	2,5	0,5	54
3	Cây rừng	3	2,3	0,7	56
4	Khoa học gỗ	2	1,7	0,3	36
5	Động vật rừng	2	1,7	0,3	36
6	Khí tượng thủy văn	2	1,8	0,2	33
7	Các HP tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)	2	1,7	0,3	36
	Địa lý sinh vật	2	1,7	0,3	36
	Công nghệ sinh học	2	1,7	0,3	36
8	Các HP tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)	2	2		30
	Dân số học	2	2		30
	Xã hội học	2	2		30
Tổng		19			365
Kỳ 4					
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30
2	Tiếng anh chuyên ngành	2	2		30
3	Giống cây rừng	2	1,7	0,3	36
4	Thống kê lâm nghiệp	2	2		30
5	Trắc địa	3	2,5	0,5	54
6	Điều tra rừng	3	2,5	0,5	54
7	Côn trùng lâm nghiệp	3	2,5	0,5	54
8	Bệnh cây rừng	2	1,7	0,3	36
Tổng		19			324
Kỳ 5					
1	Đa dạng sinh học	2	1,7	0,3	36
2	Lửa rừng	2	1,7	0,3	36
3	Lâm sản ngoài gỗ	2	1,7	0,3	36
4	Trồng rừng	3	2,5	0,5	54
5	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	3		45

6	Kỹ thuật lâm sinh	3	2,5	0,5	54
7	Quản lý dự án lâm nghiệp	3	2,7	0,3	52
8	Quy hoạch lâm nghiệp	3	2,5	0,5	54
Tổng		21			367
Kỳ 6					
1	Thực tập nghề nghiệp 1	3		3	90
2	Sản lượng rừng	3	2,5	0,5	54
3	Khai thác lâm sản	2	1,7	0,3	36
4	Kinh tế lâm nghiệp	2	2		30
	Các HP tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)	2	1,8	0,2	33
5	Nông Lâm kết hợp	2	1,8	0,2	33
	Quản lý rừng bền vững	2	1,8	0,2	33
6	Khuyến lâm	2	1,7	0,3	36
7	Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp	2	1,5	0,5	37
8	Thực tập nghề nghiệp 2	3	2,7	0,3	90
Tổng		19			406
Kỳ 7					
1	Khóa luận tốt nghiệp	10		300	300
	Môn học thay thế				
1	PP NCKH chuyên ngành	2	1,8	0,2	33
2	Điều tra dự tính dự báo sâu bệnh hại	2	1,7	0,3	36
3	Lâm nghiệp xã hội	2	1,8	0,2	33
4	Chính sách lâm nghiệp	2	1,8	0,2	33
5	Tin học ứng dụng trong lâm nghiệp	2	1	1	45

9. Hướng dẫn thực hiện:

- Chương trình đào tạo đại học ngành Lâm nghiệp được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 125 tín chỉ (không tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng), được thiết kế để giảng dạy và học tập trong 08 học kỳ (4 năm học), tùy theo tích lũy tín chỉ mà sinh viên có thể tốt nghiệp từ 3- 5 năm;

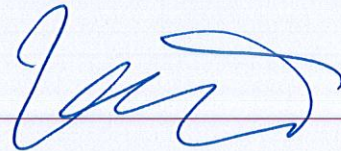
- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về việc Quy định về tổ chức quản lý đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An. 

Nơi nhận:

- BGH, Phòng, Khoa, Bộ môn
- Lưu Đ/T

HIỆU TRƯỞNG



TS Dương Xuân Thao

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 608a/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 6 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình :	Đào tạo Bác sĩ Thú y
Trình độ đào tạo :	Đại học
Ngành đào tạo :	Thú y
Mã số :	(07) 52640101

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ khoa học trình độ đại học có kiến thức cơ bản và chuyên môn vững chắc, có thái độ lao động nghiêm túc, có đạo đức nghề nghiệp tốt, có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ trong ngành chăn nuôi động vật nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

1.2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng chuyên môn thú y vững vàng, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn sản xuất, nhu cầu xã hội, phát triển nghề nghiệp.
- Chẩn đoán được bệnh vật nuôi, phòng và điều trị bệnh, tổ chức kiểm soát dịch bệnh động vật.

1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.
- Giáo dục đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong điều trị và bảo vệ vật nuôi, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sinh thái.

1.2.3. Về thái độ

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, yêu nghề, trung thực, có nếp sống lành mạnh, có ý thức phấn đấu vươn lên về mọi mặt, có quan hệ xã hội tốt và đúng mức, có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp
- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong việc khám, chữa bệnh, bảo vệ động vật, đảm bảo vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường.

1.2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học

Đạt yêu cầu về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

1.2.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Tại các cơ quan quản lý và chỉ đạo sản xuất nông nghiệp: Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Viện Chăn nuôi Quốc gia, Cục chăn nuôi, Viện thú y, Cục thú y, Trung tâm Chẩn đoán thú y trung ương, Trạm kiểm dịch động vật tại Cửa khẩu Quốc tế, các đầu mối giao thông, Các cơ sở kiểm soát giết mổ động vật, Kiểm tra vệ sinh Thú y, Sở Nông nghiệp các tỉnh, Chi cục thú y các tỉnh, Phòng Nông nghiệp các huyện, Trạm thú y, Trạm khuyến nông....

- Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nguyên liệu, sản phẩm, hóa dược phục vụ thú y, doanh nghiệp tổ chức nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ngành thú y: thuốc thú y, vacxin, bao bì thuốc, các dụng cụ phục vụ cho khám và điều trị bệnh cho vật nuôi.

- Giảng dạy tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trường Dạy nghề; Trung học phổ thông, Tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ có liên quan đến quản lý nông nghiệp và chuyển giao kỹ thuật thú y, các tổ chức triển khai thực hiện các dự án về giám sát, phòng và chống các bệnh động vật; kiểm dịch các sản phẩm động vật, đảm bảo vệ sinh an toàn các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật.

- Các trang trại, công viên, vườn thú, các trạm kiểm dịch động vật tại các sân bay, cửa khẩu, trạm kiểm dịch trên địa bàn các xã, huyện, tỉnh.

- Có khả năng độc lập trong việc thành lập các Bệnh viện thú cảnh, phòng khám và chữa bệnh cho động vật cảnh (chó, mèo,...)

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành Thú y. Biết vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất, tin học đại cương, tiếng Anh... để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

Có kiến thức cơ bản về giải phẫu cơ thể vật nuôi; sinh lý chức năng của các tổ chức, cơ quan trong cơ thể; khả năng đề kháng của cơ thể khi có mầm bệnh xâm nhập; tính chất, tác dụng và cách sử dụng thuốc thú y...

2.1.3. Kiến thức ngành

- Có kiến thức sâu rộng về chuyên môn: quá trình bệnh lý khi vật nuôi mắc bệnh; các bệnh nội khoa, bệnh ngoại khoa, bệnh sản khoa, bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, ...và các phương pháp chẩn đoán, phòng, điều trị bệnh cho vật nuôi.

- Độc lập nghiên cứu chuyên sâu về thú y, các quy trình phân lập vi khuẩn, virus trong chẩn đoán bệnh.

- Ứng dụng tốt kiến thức trong thực tiễn sản xuất, trong tổ chức - quản lý cơ sở, trang trại và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuốc thú y.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Xây dựng và đảm nhận tốt chương trình quản lý dịch bệnh trong chăn nuôi, thực hành tốt các kỹ năng nghề nghiệp: nguyên tắc sử dụng các loại thuốc thú y; vi sinh vật và truyền nhiễm; chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh: truyền nhiễm, bệnh nội khoa, bệnh sản khoa, bệnh ngoại khoa... và kiểm soát, khống chế bệnh tật ở cơ sở sản xuất, các trang trại chăn nuôi.

- Nghiên cứu và chuyển giao các kỹ thuật và công nghệ ngành thú y vào thực tiễn sản xuất, chế tạo ra các kit chẩn đoán, các loại vacxin, thuốc thú y để chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi có hiệu quả.

- Tổ chức quản lý điều hành một đơn vị sản xuất (trang trại, doanh nghiệp): quản lý và điều hành các kỹ thuật sử dụng thuốc, vacxin trong phòng, điều trị bệnh cho vật nuôi. Sử dụng các sản phẩm thú y để nâng cao tỷ lệ tiêu hóa, hấp thu, nâng cao năng suất sinh sản, khả năng đề kháng và tăng trọng ở vật nuôi.

- Dạy nghề: sử dụng thuốc thú y; phòng và điều trị các bệnh thường gặp ở gia súc, gia cầm.

- Phát hiện ra các vấn đề, hướng giải quyết các vấn đề, đặt ra tình huống chuyên môn.

- Nghiên cứu các ứng dụng, kiến thức mới trong lĩnh vực thú y.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo; kỹ năng giao tiếp.

- Năng động, nhiệt tình; có đủ năng lực, trình độ để quản lý kỹ thuật thú y tại các công ty sản xuất thuốc thú y, tại các địa phương và trang trại chăn nuôi; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Làm việc độc lập và làm việc nhóm.

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office, sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thú y và các vấn đề liên quan đến ngành chăn nuôi thú y.

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về thú y.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ chăn nuôi thú y thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật của ngành thú y.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn chăn nuôi thú y ở quy mô trung bình.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 151 tín chỉ

(Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện hàng năm.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An Quy định Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An Quy định Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

7. Nội dung chương trình

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	LT	TH	Tổng
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	44	645	30	675
7.1.1	Lý luận Mác LêNin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	10	150		150
1	Những NLCB của CN Mác LêNin 1	2	30		30
2	Những NLCB của CN Mác LêNin 2	3	45		45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
4	Đường lối CM của ĐCSVN	3	45		45
7.1.2	Khoa học xã hội	8	120		120
	Bắt buộc	6	90		90
5	Pháp luật đại cương	3	45		45
6	Văn bản trong quản lý	3	45		45
	Tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)	2	30		30
7	Văn hoá kinh doanh	2	30		30
	Marketing	2	30		30
7.1.3	Ngoại ngữ	9	135		135
8	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45		45
9	Tiếng Anh cơ bản 2	4	60		60
10	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30		30
7.1.4	Toán – Tin học – KHTN – CN - Môi trường	17	240	30	270

11	Hóa hữu cơ	2	30		30	✓
12	Hóa phân tích	2	30		30	
13	Sinh học đại cương	2	30		30	✓
14	Lý thuyết Xác suất và TK toán	3	45		45	✓
15	Tin học đại cương	3	30	30	60	✓
16	Công nghệ sinh học đại cương	2	30		30	✓
17	Toán cao cấp	3	45		45	✓
7.1.5	Giáo dục thể chất	3	9	72	81	
7.1.6	Giáo dục quốc phòng, an ninh	8	113	15	128	
7.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	106	1191	710	1911	
7.2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	41	569	110	679	
18	Hóa sinh đại cương	2	30		30	✓
19	Hóa sinh động vật	2	30		30	✓
20	Động vật học	2	26	10	36	✓
21	Giải phẫu vật nuôi 1	3	39	10	49	✓
22	Giải phẫu vật nuôi 2	2	28	5	33	✓
23	Mô học 1	2	30		30	✓
24	Mô học 2	2	28	5	33	✓
25	Sinh lý động vật 1	3	39	10	49	
26	Sinh lý động vật 2	2	28	5	33	
27	Dinh dưỡng động vật và thức ăn chăn nuôi	3	39	10	49	✓
28	Vi sinh vật đại cương	2	26	10	36	✓
29	Dược lý học thú y	3	39	10	49	✓
30	Miễn dịch học thú y	2	30		30	✓
31	Bệnh lý thú y 1	2	30		30	✓
32	Bệnh lý thú y 2	2	28	5	33	✓
33	Vi sinh vật thú y 1	2	26	10	36	✓
34	Vi sinh vật thú y 2	2	26	10	36	✓
35	Độc chất học thú y	2	28	5	33	✓
36	Dược liệu học thú y	2	28	5	33	✓
7.2.2	Kiến thức ngành	46	563	180	743	
7.2.2.1	Bắt buộc	38	459	140	599	

37	Chẩn đoán bệnh thú y	3	39	10	49
38	Dịch tễ học thú y	3	39	10	49
39	Bệnh nội khoa thú y 1	2	26	10	36
40	Bệnh nội khoa thú y 2	2	26	10	36
41	Bệnh truyền nhiễm thú y 1	3	39	10	49
42	Bệnh truyền nhiễm thú y 2	2	26	10	36
43	Ký sinh trùng và Bệnh KST thú y 1	3	39	10	49
44	Ký sinh trùng và Bệnh KST thú y 2	2	26	10	36
45	Bệnh ngoại khoa thú y	3	39	10	49
46	Sinh sản gia súc 1	3	39	10	49
47	Sinh sản gia súc 2	2	26	10	36
48	Vệ sinh thú y	3	39	10	49
49	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	2	26	10	36
50	Luật thú y và Kiểm nghiệm thú sản	3	39	10	49
51	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	30		30
7.2.2.2. Tự chọn (chọn 4 trong 12 HP theo các nhóm sau đây)		8	104	40	144
52	Chăn nuôi lợn	2	26	10	36
	Nấm và bệnh do nấm gây ra	2	26	10	36
53	Chăn nuôi trâu bò	2	26	10	36
	Thiết kế thí nghiệm	2	26	10	36
54	Chăn nuôi gia cầm	2	26	10	36
	Quyền lợi động vật	2	26	10	36
	Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	2	26	10	36
	Chẩn đoán hình ảnh	2	26	10	36
55	Bệnh của động vật hoang dã	2	26	10	36
	Bệnh chó mèo	2	26	10	36
	Dược lý học lâm sàng	2	26	10	36
	Châm cứu thú y	2	26	10	36
7.2.3	Kiến thức bổ trợ	5	69	10	49
56	Tiếng La tinh	2	30		30
57	Bệnh học thủy sản	3	39	10	49
7.2.4	Thực tập nghề nghiệp	5		150	150

58	Thực hành nghề thú y	3		90	90
59	Thực tập giáo trình truyền nhiễm	1		30	30
60	Thực tập giáo trình KNTS và ATVSTP	1		30	30
7.2.5	Khóa luận tốt nghiệp	9		270	270
	Tổng khối lượng toàn khóa	150			

8. Phân bổ kế hoạch đào tạo (Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng bổ trí học tùy theo điều kiện thực tế).

TT	Tên học phần	Số TC	TCLT	TCTH	Số tiết
Kỳ 1					
1	Những NLCB của CN Mác LêNin 1	2	2		30
2	Văn bản trong quản lý	3	3		45
3	Toán cao cấp	3	3		45
4	Pháp luật đại cương	3	3		45
5	Tiếng Anh 1	3	3		45
6	Tin học đại cương	3	2	1	60
Cộng		17			270
Kỳ 2					
1	Hoá phân tích	2	2		30
2	Lý thuyết xác suất - Thống kê toán	3	3		45
3	Những NLCB của CN Mác LêNin 2	3	3		45
4	Tiếng Anh 2	4	4		60
5	Tiếng La tinh	2	2		30
6	Hoá hữu cơ	2	2		30
7	Động vật học	2	1,7	0,3	36
8	Sinh học đại cương	2	2		30
Cộng		20			306
Kỳ 3					
1	Công nghệ sinh học đại cương	2	2		30
2	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2		30
3	Vì sinh vật đại cương	2	1,7	0,3	36
4	Hoá sinh đại cương	2	2		30

5	Mô học 1	2	2		30
6	Mô học 2	2	1,8	0,2	33
7	Hoá sinh động vật	2	2		30
8	Giải phẫu vật nuôi 1	3	2,7	0,3	49
9	Giải phẫu vật nuôi 2	2	1,8	0,2	33
Cộng		19			301
Kỳ 4					
1	Bệnh lý học thú y 1	2	2		30
2	Bệnh lý học thú y 2	2	1,8	0,2	33
3	Sinh lý động vật 1	2	1,8	0,2	33
4	Sinh lý động vật 2	3	2,7	0,3	49
5	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	2,7	0,3	49
6	Tư tưởng HCM	2			30
7	Miễn dịch học thú y	2	2		30
8	Dược lý học thú y	3	2,7	0,3	49
Cộng		19			689
Kỳ 5					
1	Vi sinh vật học thú y 1	2	1,7	0,3	36
2	Vi sinh vật học thú y 2	2	1,7	0,3	36
3	Dược liệu thú y	2	1,8	0,2	33
4	Chẩn đoán bệnh thú y	3	2,7	0,3	49
5	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3			45
	<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>				
6	Nấm và bệnh do nấm	2	1,7	0,3	36
	Chăn nuôi lợn	2	1,7	0,3	36
7	Sinh sản gia súc 1	3	2,7	0,3	49
Cộng		17			284
Kỳ 6					
1	Độc chất học thú y	2	1,8	0,2	33
2	Dịch tễ học thú y	3	2,7	0,3	49
3	Ký sinh trùng thú y 1	3	2,7	0,3	49
4	Bệnh nội khoa thú y 1	2	1,7	0,3	36

5	Bệnh truyền nhiễm thú y 1	3	2,7	0,3	49	✓
6	Vệ sinh thú y	3	2,7	0,3	49	✓
7	<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>					
	Văn hoá kinh doanh	2	2		30	✓
	Marketing căn bản	2	2		30	✓
Cộng		18			295	
Kỳ 7						
1	Luật thú y và kiểm nghiệm thú sản	3	2,7	0,3	49	✓
2	Bệnh nội khoa thú y 2	2	1,7	0,3	36	✓
3	Bệnh ngoại khoa thú y	3	2,7	0,3	49	✓
4	Ký sinh trùng thú y 2	2	1,7	0,3	36	✓
5	<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>					
	Chăn nuôi trâu, bò	2	1,7	0,3	36	
	Thiết kế thí nghiệm	2	1,7	0,3	36	
6	Bệnh truyền nhiễm thú y 2	2	1,7	0,3	36	✓
7	Sinh sản gia súc 2	2	1,7	0,3	36	✓
Cộng		16			278	
Kỳ 8						
1	VSATTP nguồn gốc động vật	2	1,7	0,3	36	✓
2	Bệnh truyền lây giữa người và động vật	2	2		30	✓
3	Bệnh học thuỷ sản	3	2,7	0,3	49	✓
4	<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>					
	Chăn nuôi gia cầm	2	1,7	0,3	36	✓
	Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	2	1,7	0,3	36	✓
5	Thực hành nghề Thú y	3		3	90	✓
6	Thực tập giáo trình Truyền nhiễm	1		1	30	✓
7	Thực tập giáo trình KNTS và VSATTP	1		1	30	✓
8	<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>					
	Bệnh của động vật hoang dã	2	1,7	0,3	36	✓
	Bệnh chó mèo	2	1,7	0,3	36	✓
	Dược lý học lâm sàng	2	1,7	0,3	36	✓

	Cộng	16			337
Kỳ 9					
1	Thực tập tốt nghiệp	9		9	270
	Cộng	9			

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 150 tín chỉ (không tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng), được thiết kế để giảng dạy và học tập trong 10 học kỳ (5 năm học);

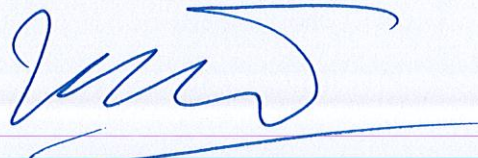
- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về việc Quy định về tổ chức quản lý đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An./. 

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng;
- Các phòng, khoa, bộ môn;
- Lưu: PQLĐT, VT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Dương Xuân Thao